



013/2024/BCT/KNTT

3766/TTTTV-KHCN

019/2023/BYT-KNTT



Số: 05062/KQPT/2026/CS2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 10630626/CS2

Trang: 1/2

- Tên mẫu: Nước thải.
- Số lượng mẫu: 1,5 lít
- Mô tả mẫu: Mẫu do Phòng phân tích thử nghiệm đi lấy mẫu. Cơ sở được lấy mẫu: Công ty TNHH Liên Doanh Nghi Phong lô CN4, KCN Trần Quốc Toàn, Phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí xả thải đầu ra của HTXL nước thải. X: 1161330 Y: 562382
- Số biên bản lấy mẫu: 567/LMHT
- Thời gian lưu mẫu: ☐ Không ☒ Lưu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Ngày nhận mẫu: 26/06/2026
- Ngày trả kết quả: 06/07/2026
- Thời gian thử nghiệm: 26/06/2026 đến ngày: 06/07/2026
- Khách hàng: **CÔNG TY TNHH HÓA CHẤT MÔI TRƯỜNG ĐỒNG THÁP**
- Địa chỉ: Số 127 - ấp Tân Hòa Đông - Xã Mỹ An Hưng - Tỉnh Đồng Tháp
- Kết quả thử nghiệm: **Xem trang sau.**

- Thông tin về mẫu thử được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được sao chép Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 07 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Văn Thoại

Số: 10630626/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	Nhu cầu oxy sinh hóa-BOD ₅ ^δ	SMEWW 5210B:2023	mg/L	9,55
2	Nitơ tổng ^δ	SMEWW 4500 N.C:2023	mg/L	21,4
3	Photpho tổng số (t/t P) ^δ	TCVN 6202 : 2008	mg/L	0,1191
4	Clo dư**	TCVN 6225-2:2021	mg/l	KPH (LOD=0,3)
5	Dầu mỡ khoáng ^δ	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	KPH (LOD=1,40)
6	Coliform tổng số ^δ	SMEWW 9221B:2023	MPN/100mL	3,3 x 10 ¹

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện. LOQ: Giới hạn định lượng
- (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- (δ): Chỉ tiêu chứng nhận Vincerts
- (γ): Chỉ tiêu được Bộ Y tế chỉ định (19/2023/BYT-KNTP).
- (a): Chỉ tiêu được Bộ Công thương chỉ định (013/2024/BCT-KNTP)
- (Δ): Chỉ tiêu được chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón.
- (**): Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện

TRƯỞNG PHÒNG



Võ Thị Bích Trân





013/2024/BCT/KNTT

3766/TTTTV-KHCN

019/2023/BYT-KNTT



Số: 06280/KQPT/2026/CS2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: 01540826/CS2

Trang: 1/2

- Tên mẫu: Nước thải.
- Số lượng mẫu: 1,5 lít x 2 chai
- Mô tả mẫu: Mẫu do Phòng phân tích thử nghiệm đi lấy mẫu. Cơ sở được lấy mẫu: Công ty TNHH Liên doanh Nghi Phong. Lô CN4, KCN Trần Quốc Toản, Phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp. Vị trí lấy mẫu: Tại bể xả thải. X: 1161330 Y: 562382
- Số biên bản lấy mẫu: 779/LMHT
- Thời gian lưu mẫu: ☐ Không - ☒ Lưu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
- Ngày nhận mẫu: 06/08/2026
- Ngày trả kết quả: 14/08/2026
- Thời gian thử nghiệm: 06/08/2026 đến ngày: 14/08/2026
- Khách hàng: **CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH NGHI PHONG**
- Địa chỉ: Lô CN4 - KCN Trần Quốc Toản - Phường Mỹ Ngãi - Tỉnh Đồng Tháp
- Kết quả thử nghiệm: **Xem trang sau.**

- Thông tin về mẫu thử được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phiếu kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Không được sao chép Phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

Đồng Tháp, ngày 14 tháng 08 năm 2026



Lê Văn Thoại

Số: 01540826/CS2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Đơn vị tính	Kết quả
1	Nhu cầu oxy sinh hóa-BOD ₅ ^δ	SMEWW 5210B:2023	mg/L	11,7
2	Nitơ tổng ^δ	TCVN 6638 : 2000	mg/L	4,54
3	Photpho tổng số (t/t P) ^δ	TCVN 6202 : 2008	mg/L	1,18
4	Clo dư ^δ	TCVN 6225-3:2011	mg/L	KPH (LOD=0,3)
5	Dầu mỡ khoáng ^δ	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	KPH (LOD=1,40)
6	Coliform tổng số ^δ	SMEWW 9221B:2023	MPN/100mL	1,1 x 10 ³

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, LOD: Giới hạn phát hiện. LOQ: Giới hạn định lượng
- (*): Chỉ tiêu được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- (δ): Chỉ tiêu chứng nhận Vimcerts
- (γ): Chỉ tiêu được Bộ Y tế chỉ định (19/2023/BYT-KNTP).
- (a): Chỉ tiêu được Bộ Công thương chỉ định (013/2024/BCT-KNTP)
- (Δ): Chỉ tiêu được chỉ định tổ chức thử nghiệm phân bón.
- (**): Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện

TRƯỞNG PHÒNG



Võ Thị Bích Trân

